

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2017/HSPT
Ngày: 19.9.2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ.

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Văn Trinh
2. Bà Nguyễn Thị Kim Phụng

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Hằng – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên
tòa:** Bà Nguyễn Kim Sương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19.9.2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 165/2017/HSPT ngày 18.8.2017 do có kháng cáo của bị cáo Trần Thị Thu B đối với bản án sơ thẩm số 91/2017/HSST ngày 23.5.2017 của Tòa án nhân dân quận N

Bị cáo kháng cáo:

TRẦN THỊ THU B, sinh năm 1983.

Đăng ký thường trú: số 88 ấp M, xã M, huyện P, thành phố C.

Dân tộc : Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không;

Nghề nghiệp: mua bán; Học vấn: 12/12;

Con ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị Đ

Có 02 con sinh năm 2013 và 2014.

Tiền án tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY

Theo Cáo trạng của Viện Kiểm sát và bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận N, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 11.10.2015, Trần Thị Thu B điều khiển xe mô tô SCR biển kiểm soát 65L1 – 0439 đến nhà của Lê Thị Út H1 tại khu vực 3, phường C, quận N, thành phố C rủ chị H1 đi thả cá phóng sinh. Khi đi bị cáo dùng xe chở H1, cùng đi có chị của H là Lê Thị Huyền H2 điều khiển xe mô tô SYM Atila biển số 65E1 – 017.24 do H1 đứng tên sở hữu.

Khi đến nơi thả cá tại khu vực Cồn K, phường C, Thu B đậu xe cạnh xe của H2 điều khiển và tắt cả cùng xuống bờ sông cách nơi đậu xe khoảng 20 mét thả cá. Do thiếu nợ, bị cáo nảy sinh ý định trộm xe của H1 để mang đi cầm cố lấy tiền trả nợ. Bị cáo lén lút dẫn xe giao cho tên C (chưa rõ họ tên, địa chỉ) mang đi cất giấu tại quán cà phê House rồi quay về nơi thả cá giả vờ tham gia cùng mọi người. Sau khi thả cá xong, phát hiện xe bị mất nên bị hại đã trình báo với Công an phường C. Ngày 12.10.2015, bị cáo mang xe đến dịch vụ cầm đồ Anh T tại đường C, phường A, quận B cầm với giá 13.000.000 đồng.

Ngày 09.9.2016, anh L tìm đến nhà chị H1 hỏi có chuộc lại xe mô tô biển số 65B1 – 071.24 đã cầm cố (có thể chấp một giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị Út H1) hay không. Lúc này chị H1 nghi ngờ Thu B đã dùng giấy chứng minh nhân dân của chị đi cầm xe và nghi vấn Thu B là người lấy trộm xe nên trình báo với Công an phường C. Quá trình làm việc Thu B khai nhận hành vi trộm cắp xe của người khác phù hợp với tài liệu chứng cứ đã thu thập được.

Đối với xe mô tô SYM Elizabeth biển số 65E1 – 017. 24 của chị H do quá thời hạn tài sản nhưng không thấy người đến chuộc nên anh L đã thanh lý xe trên đến nay chưa thu hồi được.

Tại Biên bản định giá tài sản số 299/HĐĐG ngày 11.10.2016 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự xác định: mô tô SYM Atila biển số 65E1 – 017.24 có giá trị là 19.800.000 đồng.

Tang vật thu giữ: 01 xe mô tô xe mô tô SCR biển kiểm soát 65G1 – 189.59 do bị cáo đứng tên chủ sở hữu.

Ngoài ra, bị cáo khai còn lấy trộm một xe mô tô trên địa bàn quận B và đang bị điều tra, giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 06.3.2017 bị cáo bị Tòa án nhân dân quận B, thành phố C xét xử sơ thẩm xử phạt 09 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”. Đến ngày 16.8.2017, Tòa án nhân dân thành phố C xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 91/2017/HSST ngày 23.5.2017 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều đã áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b khoản 1 Điều 46, Điều 41, 42 Bộ luật Hình sự, Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự. Xử phạt Trần Thị Thu Ba 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

Sau khi tuyên án sơ thẩm, ngày 27.5.2017 bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và bị cáo.

XÉT THẤY

Tại phiên toà, bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo vì hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn, nợ ngân hàng, đang nuôi con nhỏ và bản thân bị bệnh, bị cáo là lao động chính nuôi con.

Đại diện Viện Kiểm sát nhận định: bị cáo đã có hành vi lợi dụng sơ hở của bị hại để lén lút chiếm đoạt xe mô tô của bị hại, với giá trị tài sản đã chiếm đoạt qua định giá là 19.800.000 đồng nên truy tố và xét xử bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Ngoài hành vi này bị cáo còn phạm tội cùng loại và bị Tòa án nhân dân quận B xét xử vào ngày 06.7.2017 cho thấy về nhân thân của bị cáo là xấu. Án sơ thẩm đã vận dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, hình phạt đã tuyên là còn nhẹ. Các tình tiết bị cáo nêu tại tòa hôm nay là không mới nên không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm. Ngoài ra do bị cáo đã bị Tòa án nhân dân quận B xử phạt về tội “ Trộm cắp tài sản “ vào ngày 06.3.2017, sau đó ngày 16.8.2017 Tòa án nhân dân thành phố C xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên đề nghị Hội đồng xét xử tổng hợp bản án đã có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự để buộc bị cáo chấp hành chung.

Hội đồng xét xử nhận định, về thủ tục các cơ quan tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định. Về nội dung, căn cứ vào tài liệu chứng cứ được thu thập hợp pháp và lời khai nhận tội của bị cáo, lời khai của bị hại và những người tham gia tố tụng khác là phù hợp nhau, đủ cơ sở chứng minh bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại Lê Thị Út H1 như bản án sơ thẩm đã quy kết. Qua định giá tài sản, án sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

Xét án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và vận dụng các tình tiết giảm nhẹ đầy đủ khi lượng hình. Hình phạt đã tuyên là tương xứng. Kháng cáo của bị cáo không có tình tiết mới để xem xét nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo mà giữ nguyên án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên.

Đối với đề nghị của Kiểm sát viên về việc tổng hợp bản án là có căn cứ nên chấp nhận.

Các vấn đề khác không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng: khoản 1 Điều 138; điểm b khoản 1 Điều 46; Điều 41, 42 Bộ luật Hình sự; Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử phạt: Trần Thị Thu B 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tổng hợp hình phạt với bản án hình sự phúc thẩm số 76/2017/HSPT ngày 16.8.2017 của Tòa án nhân dân thành phố C, hình phạt chung bị cáo phải chấp hành là 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án này là phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:

- Viện KSND TPCT;
- Sở tư pháp TPCT;
- Công an TPCT;
- Trại giam CA – TPCT;
- Cơ quan tổ tụng quận N;
- Bị cáo và những người TGT;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thụy Vũ